

Bản án số: 282/2024/DS-PT

Ngày: 30- 9 -2024

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Trung

Ông Trần Vĩnh Yên

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Lê Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân, tỉnh Đồng Nai xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm
2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 12-4-2024 của Tòa
án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 177/2024/QĐ-PT
ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Bạch T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số B
đường L, Khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T1,
sinh năm 1987. Địa chỉ: Số B đường L, Khu phố A, phường X, thành phố L,
tỉnh Đồng Nai.

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Nguyễn Mai Q, sinh năm 1961;

2.2. Bà Nguyễn Thị Bác Á, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Tổ C, khu phố S, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị
Bác Á:** Bà Nguyễn Thanh D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ C, khu phố S, phường
B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2.3. Bà Trần Thị M, sinh năm 1948. Địa chỉ: Tổ C, khu phố S, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số A, đường số E, khu phố N, phường S, thành phố L, tỉnh Đ.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị Bác Á và bà Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Bạch T do anh Nguyễn Quốc T1 đại diện trình bày:*

Năm 2017, bà Dương Thị Bạch T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tiến D1 và bà Trần Thị H thửa đất 49, tờ bản đồ 26, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai với diện tích 5.285m². Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD229968 ngày 03/02/2016 cho ông D1, bà H, sau đó được cập nhật biến động tại trang 4 cho bà Dương Thị Bạch T ngày 05/10/2017. Khi bàn giao đất cho bà T, ông Nguyễn Tiến D1 và bà Trần Thị H cho biết có cho ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị Bác Á là chủ thửa đất 50, tờ bản đồ số 26 và bà Trần Thị M chủ thửa đất 51, tờ bản đồ số 26 mở đường đi phía phần giáp ranh thửa đất của ông D1, bà H. Tuy nhiên khoảng tháng 9 năm 2020, ông Q, bà Á và bà M tự ý đổ đất đá mở đường đi lấn chiếm qua phần đất của bà T để mở rộng lối đi.

Bà T có yêu cầu UBND xã B tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng không thành. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau: Buộc ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị Bác Á và bà Trần Thị M phải chấm dứt thực hiện hành vi tự ý đổ đất đá mở đường, khôi phục lại hiện trạng ban đầu và trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Đến ngày 27 tháng 4 năm 2022 bà T có đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm cụ thể như sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị Bác Á trả lại diện tích lấn chiếm được giới hạn bởi các điểm (30; 66; 20; 68; 28; 29; 30), theo Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1287/2023 ngày 14/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L1 với diện tích 71,8 m².

Yêu cầu bà Trần Thị M trả lại diện tích đất lấn chiếm được giới hạn bởi các mốc (78; 79; 80; 81; 28; 36; 78), (21; 68; 36; 78; 21), (78; 79; 40; 1; 22; 69; 35; 78), (21; 78; 35; 69; 21), theo Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1287/2023 ngày 14/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L1 với diện tích 154,5 m².

**Bị đơn ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á thống nhất trình bày:*

Năm 1986, gia đình ông bà đi theo con đường công cộng đi qua trước thửa đất 49, tờ bản đồ 26, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai của nhà ông Nguyễn Thành L rồi xuống suối đổ vào đất. Sau khi ông Nguyễn Thành L chết

để lại thửa đất này cho vợ là bà Trần Thị C. Bà C có chuyển nhượng lại thửa đất 49, tờ bản đồ 26, xã B cho ông Nguyễn Tiến D1. Khi chuyển nhượng hai bên thỏa thuận mở lối đi để cho thuận tiện vào đất. Hàng rào lưới B40 và đường đi có trước khi bà T chuyển nhượng lại đất của ông D1. Ông Q bà Á không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T vì ông bà không có lần chiếm đất.

**Bị đơn bà Trần Thị M trình bày:*

Trước khi bà T chuyển nhượng đất của ông D1 đã có con đường và hàng rào lưới B40. Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T vì bà M không có lần chiếm đất của bà T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T2 trình bày:*

Ông là người thuê thửa đất 51, tờ bản đồ 26 tại xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai của bà Trần Thị M, thời gian thuê 04 năm từ năm 2021 đến năm 2024, số tiền thuê đất 7.000.000 đồng/năm, ông chỉ canh tác đất không có đầu tư gì trên đất. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị M trả lại diện tích đất đất lần chiếm ông không có ký kiến gì và cũng không có yêu cầu gì.

Tại Bản án số: 12/2024/DS-ST ngày 12-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh căn cứ các Điều 105, 107, 158, 160, 161, 164 của Bộ luật Dân sự 2015; Luật Đất đai năm 1993, năm 2003, năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chấm dứt thực hiện hành vi tự ý đổ đất đá mở đường, khôi phục lại hiện trạng ban đầu của bà Nguyễn Thị Bạch T3.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Bạch T về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị Bác Á và bà Trần Thị M.

Buộc ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á trả cho bà Dương Thị Bạch T diện tích 71.8m² đất, được giới hạn bởi các điểm (30,66, 20, 68, 28, 29, 30) theo trích lục và hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1287 ngày 14/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh L1.

Buộc bà Trần Thị M trả cho bà Dương Thị Bạch T diện tích 41.9m² đất được giới hạn bởi các (21, 68, 36, 78, 21); diện tích 78.3m² đất được giới hạn bởi các điểm (78, 79, 80, 81, 28, 36, 78) và diện tích 32.7m² đất được giới hạn bởi các điểm (78, 79, 40, 1, 22, 69, 35, 78), diện tích 1,6m² được giới hạn bởi các điểm (21, 78, 35, 69, 21) theo trích lục và hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1287 ngày 14/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh L1.

3. Bà Dương Thị Bạch T được quyền sở hữu các tài sản gồm công sắt, hàng rào cột bê tông +cột gỗ, lưới B40, cao 1,2m; 07 trụ điện bằng sắt phi 90

theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2023, tổng giá trị 12.840.450 đồng.

4. Bà Dương Thị Bạch T phải thanh toán lại giá trị các công trình xây dựng trên đất cho bà Nguyễn Thị Bác Á, ông Nguyễn Mai Q1 số tiền 10.140.450 đồng, thanh toán cho bà Trần Thị M số tiền 2.700.000 đồng.

5. Chi phí tố tụng: Buộc ông Q, bà Á và bà M phải thanh toán lại chi phí tố tụng cho bà T số tiền 19.500.000 đồng, chia phần ông Q, bà Á là 9.750.000 đồng; bà M là 9.750.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2024, bị đơn bà Trần Thị M, bị đơn ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M; ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 12-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn làm trong thời hạn luật định, bà Trần Thị M; ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á được miễn đóng tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị M; ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á nhận thấy:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Bác Á; bà Trần Thị M xác định phần đất có diện tích 71.6m² được giới hạn bởi các mốc (21,22,m,x,y,21) và phần đất có diện tích 112,2m² được giới hạn bởi các mốc (22,n,d,e,m,22) thuộc quyền sử dụng của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L do bà Dương Thị Bạch T là chủ sử dụng, nên bà M; ông Q bà Á đồng ý trả lại cho bà T diện tích đất trên. Tuy nhiên, do gia đình bà Á; bà M không có lối đi ra đường giao thông công cộng nên các đương sự tự nguyện để một phần đất để làm lối đi, đồng thời các đương sự thỏa thuận với về giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Mai Q bà Nguyễn Thị Bác Á phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Bạch T phần đất có diện tích 71.6m² được giới hạn bởi các mốc (21,22,m,x,y,21) thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L; bà Trần Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Bạch T phần đất có diện tích 112,2m² được giới hạn bởi các mốc (22,n,d,e,m,22) thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L.

Phần đất có diện tích 153m² thửa đất số 51, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L được giới hạn bởi các mốc (22,23,28,29,22) thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị M, bà M tự nguyện bỏ phần đất trên để làm lối đi chung của thửa đất số 50, 51, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L. Phần tài sản trên đất và yêu cầu thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất để làm lối đi chung ra đường giao thông công cộng do bà M và bà Á, ông Q tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần đất có diện tích 43,1m² (1,a,b,c,d,n,29,30,1) và phần đất có diện tích 30,5m² được giới hạn bởi các mốc (2,d,c,b,a,2) thuộc quyền sử dụng của bà Dương Thị Bạch T, bà T tự nguyện bỏ phần đất trên để làm lối đi chung của thửa đất số 49, 50, 51 tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L. Bà T tự nguyện không yêu cầu bà M, ông Q bà Á phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất nên không xét.

Toàn bộ phần đất trên được đo vẽ theo Bản trích lục và đo hiện trạng khu đất số 2665/2024 ngày 27/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh L1.

Ông Nguyễn Mai Q bà Nguyễn Thị Bác Á tự nguyện tháo dỡ hàng rào cột bê tông, lưới B40 cao 1,5m; 04 trụ điện. Bà Trần Thị M tự nguyện tháo dỡ 03 trụ điện. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2023 và Chứng thu thẩm định giá số 2291/CT-ĐNI ngày 06/7/2023 của Công ty Cổ phần T5.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên ghi nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết yêu cầu chấm dứt thực hiện hành vi tự ý đổ đất đá mở đường, khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Ngày 27/4/2022 bà Tuyết có đơn rút các yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Các bên thống nhất, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà

Tuyết đã tạm ứng số tiền chi phí tố tụng 19.500.000 đồng, nay bà Tuyết chỉ yêu cầu ông Quý, bà Ái và bà Mến phải thanh toán lại chi phí tố tụng cho bà Tuyết là 10.000.000 đồng; cụ thể chia phần ông Quý, bà Ái là 5.000.000 đồng; bà Mến là 5.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Mai Quý và bà Nguyễn Thị Bác Ái tự nguyện chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ tại cấp phúc thẩm 3.750.000 đồng; bà Trần Thị Mến tự nguyện chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ tại cấp phúc thẩm 3.750.000 đồng; các đương sự đã nộp xong.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí là đúng quy định.

Do sửa án sơ thẩm nên bà Tuyết không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Tuyết số tiền là 300.000 đồng, theo biên lai số 0006235 ngày 16/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh; bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bác Á và ông Nguyễn Mai Q; bà Trần Thị M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số:12/2024/DS-ST ngày 12-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 158, 160, 161, 164 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chấm dứt thực hiện hành vi tự ý đồ đất đá mở đường, khôi phục lại hiện trạng ban đầu của bà Nguyễn Thị Bạch T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Bạch T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị Bác Á và bà Trần Thị M.

Ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Bạch T phần đất có diện tích 71.6m² được giới hạn bởi các mốc (21,22,m,x,y,21) thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; bà Trần Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Bạch T phần đất có diện tích 112,2m² được giới hạn bởi các mốc (22,n,d,e,m,22) thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị M: Bà Trần Thị M để phần đất có diện tích 153m² được giới hạn bởi các mốc (22,23,28,29,22) thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai làm lối đi chung của thửa đất số 50, 51, tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị Bạch T: Bà Dương Thị Bạch T để phần đất có diện tích 43,1m² được giới hạn bởi các mốc (1,a,b,c,d,n,29,30,1) và phần đất có diện tích 30,5m² được giới hạn bởi các mốc (2,d,c,b,a,2) làm lối đi chung của thửa đất số 49, 50, 51 tờ bản đồ số 26, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Theo Bản trích lục và đo hiện trạng khu đất số 2665/2024 ngày 27/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh L1.

Ông Nguyễn Mai Q bà Nguyễn Thị Bác Á tự nguyện tháo dỡ hàng rào cột bê tông, lưới B40 cao 1,5m; 04 trụ điện. Bà Trần Thị M tự nguyện tháo dỡ 03 trụ điện. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2023 và Chứng thu thẩm định giá số 2291/CT-ĐNI ngày 06/7/2023 của Công ty Cổ phần T5.

3. Các đương sự được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á phải thanh toán lại chi phí tố tụng cho bà Dương Thị Bạch T số tiền là 5.000.000 đồng; bà Trần Thị M phải thanh toán lại chi phí tố tụng cho bà Dương Thị Bạch T số tiền là 5.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Mai Q và bà Nguyễn Thị Bác Á tự nguyện chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ tại cấp phúc thẩm số tiền là 3.750.000 đồng; bà Trần Thị M tự nguyện chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ tại cấp phúc thẩm số tiền là 3.750.000 đồng; các đương sự đã nộp xong.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm; án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Mai Q, bà Nguyễn Thị Bác Á và bà Trần Thị M.

Bà Dương Thị Bạch T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T số tiền là 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006235 ngày 16/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tp Long Khánh;
- Chi cục THADS Tp Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nhung

